Mẫu số 40-DS
Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST -HNGĐ	*Mường Ảng, ngày 12 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị P**, sinh năm 1997.
Nơi cư trú: Bản M, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Lò Văn Q**, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Bản N, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ***Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Điện Biên.***

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Điện Biên.
Trụ sở: Bản H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/02/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị P và anh Q có 01 người con chung là: Cháu Lò Anh T, sinh ngày 30/10/2016. Chị P và anh Q thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung: Anh Q sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Anh T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian giao nuôi con chung bắt đầu từ ngày 13/02/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hằng tháng chị P cấp dưỡng nuôi cháu T là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), thời điểm bắt đầu tính cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. (cấp dưỡng định kỳ vào ngày 25 của tháng đầu tiên của quý).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị P thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:

* **Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về**: Chị P và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung phải trả**: Chị P và anh Q thỏa thuận thống nhất tổng số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện M là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu đồng). Chị P sẽ có trách nhiệm trả số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), còn anh Q sẽ có trách nhiệm trả số tiền là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

2.4 Về án phí: Chị P tự nguyện chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; 175.000^{đ} (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch; 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Q tự nguyện chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; 450.000^{đ} (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên chị P và anh Q là

người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ Q&LIHP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân